

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 65/2023/HS-ST

Ngày 30 – 11 – 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

Bùi Vũ K; tên gọi khác: không; sinh ngày 25/09/1986; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Quận N, thành phố Cần Thơ, nơi cư trú: số C, khu V, phường A, Quận N, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Bùi Văn T –sinh năm 1960 (sống); con bà: Lư Loan H, sinh năm: 1959 (chết); vợ Nguyễn Thị Mỹ T1 – sinh năm 1990 (đã ly hôn); con có 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016, anh chị em ruột 01 người sinh năm 1983; Tiền sự: không có.

Tiền án: 03 lần cụ thể.

Lần 1: Vào ngày 30/9/2016 bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tuyên phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Lần 2: Vào ngày 13/4/2017 bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tuyên phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt chung với bản án ngày 30/9/2016 của TAND quận Cái Răng là 06 năm tù.

Lần 3: Vào ngày 28/6/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, chấp hành xong hình phạt vào ngày

08/4/2023.

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 25/8/2023; chuyển tạm giam ngày 28/8/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang - Có mặt tại phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thái B; tên gọi khác: không; sinh ngày 27/4/2003; Giới tính: Nam; Nơi sinh: thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 09/12; con ông: Nguyễn Văn S; sinh năm: 1980 (Sống); con bà: Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1984 (còn sống); bị cáo chưa có vợ: Anh chị em ruột 01 người sinh năm 2012, Tiền án: không; Tiền sự: Không.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thái B 02 lần bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội trộm cắp tài sản, đã xóa án tích do phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 28/5/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tuyên phạt 04 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Lần 2: Vào ngày 08/10/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tuyên phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/2023 đến ngày 28/8/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Đoàn Văn T2 – Sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Kim N - Sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp

Ông Nguyễn Văn S - Sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/8/2023, Bùi Vũ K gọi điện thoại rủ Nguyễn Huỳnh Thái B đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài, thì được B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Future, màu đỏ đen, biển số 94F1-428.58 đến chỗ K đi tìm tài sản để lấy trộm, khi đi K đem theo đoạn để phá khóa xe mô tô. B điều khiển xe chở K vào tỉnh lộ 925 về hướng N, khi đến đoạn thuộc ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, K nhìn thấy một số xe mô tô hiệu Honda Wave α màu sơn đen bạc, biển số 95B2-068.09 đang đậu trong căn nhà không đóng cửa của ông Đoàn Văn T3, K sử dụng đoạn phá khóa xe mô tô, rồi chạy về Cần Thơ, B đi về

nhà còn K tiếp tục chạy xe lấy trộm đến huyện T, tỉnh An Giang bán xe lấy trộm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho người tên T4 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể). Sau khi bán xe xong K gặp và chia cho B số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Bùi Vũ K và Nguyễn Huỳnh Thái B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, do đó bị cáo Bùi Vũ K và Nguyễn Huỳnh Thái B phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra

Về vật chứng, đồ vật có liên quan trong vụ án:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 A02S, màu đen, có gắn ốp lưng màu xanh, trắng, bị nứt kính màn hình.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Đoàn Văn T3 yêu cầu bồi thường giá trị 01 xe mô tô, nón bảo hiểm, áo mưa bị mất tổng cộng là 18.000.000 đồng, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong, anh T3 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Căn cứ Kết luận định giá số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α màu sơn đen bạc, biển số 95B2-068.09, trị giá 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Như vậy Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích nên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang ban hành Cáo trạng số 67/CT-VKS-HCT ngày 31/10/2023 bị cáo truy tố bị cáo K về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, B về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ khác đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố truy tố bị cáo K về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo B về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đối với K sau khi phạm tội các bị cáo đến Cơ quan điều tra đầu thú được xem là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Bùi Vũ K và Nguyễn Huỳnh Thái B đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Vũ K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Thái B từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo, bị cáo đã thỏa thuận bồi thường đối với các bị hại xong nên hại không yêu cầu.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí theo quy định. Bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; Điều tra viên; Kiểm sát viên đã được thực hiện theo quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xét xử vắng mặt và đã cung cấp lời khai rõ ràng trong hồ sơ nên sự vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người liên quan theo quy định tại các Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự và công bố lời khai khi cần thiết.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo K, B thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản kiểm tra xác định nơi xảy ra vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản ghi lời khai và các tình tiết, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/8/2023, Bùi Vũ K gọi điện thoại rủ Nguyễn Huỳnh Thái B đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài, thì được B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Future, màu đỏ đen, biển số 94F1-428.58 đến chỗ K đi tìm tài sản để lấy trộm, khi đi K đem theo đoạn để phá khóa xe mô tô. B điều khiển xe chở K vào tỉnh lộ 925 về hướng N, khi đến đoạn thuộc ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, K nhìn thấy một số xe mô tô hiệu Honda Wave α màu sơn đen bạc, biển số 95B2-068.09 đang đậu trong căn nhà không đóng cửa của ông Đoàn Văn T3, K sử dụng đoạn phá khóa xe mô tô, rồi chạy về Cần Thơ, B đi về nhà còn K tiếp tục chạy xe lấy trộm đến huyện T, tỉnh An Giang bán xe lấy trộm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho người tên T4 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể). Sau khi bán xe xong K gặp và chia cho B số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Kết luận định giá số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α màu sơn

đen bạc, biển số 95B2-068.09, trị giá 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài theo quy định.

Hành vi của bị cáo K, B là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[4] Các bị cáo thừa nhận lời khai của mình tại cơ quan điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, không bị bức cung và cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng, không oan cho bị cáo.

Xét lời khai nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ truy tố bị cáo K và B về tội trộm cắp tài sản theo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành ban hành Cáo trạng số 67/CT-VKS-HCT ngày 31/10/2023 truy tố bị cáo K về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, B về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Do đó, bị cáo K, B phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên cần phải có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi, tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo. Do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa loại tội phạm này tại địa phương.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Các bị cáo đều là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, do bản tính tham lam của các bị cáo muốn có tiền tiêu xài mà không phải mất công lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mặc dù các bị cáo thực hiện vai trò đồng phạm, tuy nhiên từng bị cáo có vai trò tính chất không giống nhau, trong vụ án hai bị cáo bị truy tố ở khung hình phạt khác nhau do đó có mức hình phạt khác nhau, bị cáo K với vai trò chủ mưu, cầm đầu vừa là người thực hiện, chủ động rủ bị cáo B đi tìm tài sản trộm, đem theo đồ ăn mở khóa xe, trực tiếp mang tài sản trộm đi tiêu thụ, chia tiền sau khi bán tài sản... hành vi bị cáo là chủ đạo trong vụ án do đó phải chịu mức hình phạt cao hơn so mức hình phạt bị cáo B trong vụ án. Đối với bị cáo B vai trò đồng phạm giúp sức tạo điều kiện cho bị cáo K thực hiện được hành vi phạm tội, cùng thống nhất ngay từ đầu tạo điều kiện về mặt tinh thần cho bị cáo K, có bị cáo giúp sức thì bị cáo K lấy được xe, tuy nhiên về nhân thân bị cáo đã xóa án tích, hành vi trong vụ án có mức độ thấp hơn so với bị cáo K và tài sản thiệt hại đã được bồi thường khắc phục.

[6] Về động cơ, mục đích phạm tội: Chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, lười biếng lao động chân chính, lợi dụng sơ hở của bị hại, các bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản là xe mô tô của các bị hại, mục đích của các bị cáo là để bán nhằm có tiền tiêu, sài cá nhân.

[7] Về tình tiết tăng nặng: không có tình tiết tăng nặng;

Tuy nhiên về nhân thân đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Thái B mặc dù đã

được xóa tiền án, tiền sự nhưng nhân thân xấu do 02 lần bị TAND thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt về tội trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Bùi Vũ K có nhân thân xấu, có 03 tiền án chưa được xóa án tích về tội trộm cắp tài sản, trong vụ án hành vi bị cáo bị truy tố với tình tiết tái phạm nguy hiểm.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bùi Vũ K và Nguyễn Huỳnh Thái B đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với Bùi Vũ K sau khi phạm tội bị cáo đến Cơ quan điều tra đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

[09] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại nên bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Bùi Vũ K, Nguyễn Huỳnh Thái B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1.1] Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Vũ K 02 (hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/08/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

[1.2] Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Thái B 12 (mười hai) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/08/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 A02S, màu đen, có gắn ốp lưng màu xanh, trắng, bị nứt kính màn hình. theo phiếu nhập khi số PNK 2024/07 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

[6] Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Công an huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính